

Số: 37/2022/QĐ-UBND

An Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính
phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05
tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi
hành pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày
23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp hướng dẫn Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về
theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày
05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
59/2012/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 123/TTr-STP ngày 30
tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2022 và thay thế Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân

dân tỉnh ban hành Quy định về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc; nội dung, hoạt động phối hợp; hình thức phối hợp; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đảm bảo tính kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch.
2. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.
3. Bảo đảm trách nhiệm, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
4. Bảo đảm các điều kiện cần thiết, huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Nhân dân và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 4. Nội dung, hoạt động phối hợp

1. Nội dung phối hợp

a) Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

c) Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật.

2. Hoạt động phối hợp

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

d) Thu nhập, tiếp nhận, xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

đ) Đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

e) Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức họp liên ngành.

4. Các hình thức phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II **NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP THEO DÕI** **TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

Mục 1 **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

Điều 6. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thường xuyên tổ chức cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước Trung ương mới ban hành, Thủ trưởng các cơ quan chuyên

môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nội dung được giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chi tiết thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị phụ trách.

Đồng thời, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực, ngành, địa phương phụ trách, kịp thời phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản cấp trên; không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm kịp thời kiến nghị hình thức xử lý sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành hoặc ban hành văn bản mới nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

b) Kịp thời tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên thuộc lĩnh vực, ngành, địa phương phụ trách.

2. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ việc rà soát văn bản quy định chi tiết do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với nội dung được giao quy định chi tiết.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng xây dựng văn bản quy định chi tiết.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Điều 7. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật theo các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Đồng thời, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch

Phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Phối hợp xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật theo các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Đồng thời, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch

Phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

MỤC 2 HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP

Điều 9. Phối hợp xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Hằng năm, căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương trước ngày 30 tháng 01 năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh tại khoản 1 Điều này.

b) Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực tiễn thi hành pháp luật. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan mình theo thời hạn quy định tại kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện thi hành pháp luật, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo thời hạn quy định tại kế hoạch theo dõi tình hình pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi về Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

4. Nội dung của kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, các văn bản có liên quan và quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Riêng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lựa chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 10. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

Đối tượng kiểm tra: các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, địa phương.

3. Nội dung kiểm tra, Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 11. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì tiến hành điều tra, khảo sát theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp hàng năm.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương được phân công quản lý.

3. Việc điều tra, khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Nội dung khảo sát thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

5. Đối tượng được điều tra, khảo sát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 12. Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp thu thập, tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý từ phản ánh của dư luận trên các phương tiện thông tin đại chúng; phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân; qua hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp; thông tin từ hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp

a) Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thông qua các hoạt động: điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình thi hành pháp luật hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.

b) Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn từ các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử cùng cấp; phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân.

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thông qua báo cáo tình hình thi hành pháp luật hằng năm của địa phương; từ các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra cùng cấp.

Điều 13. Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

a) Căn cứ kết quả thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; kết quả kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương; các đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương về tình hình thi hành pháp luật để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và yêu cầu phối hợp của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

Điều 14. Phối hợp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (qua Sở Tư pháp) chậm nhất ngày 25 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Sở Tư pháp tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng báo cáo chung của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp chậm nhất ngày 7 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (qua Phòng Tư pháp) chậm nhất ngày 20 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Phòng Tư pháp tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, xây dựng báo cáo chung của huyện, trình Ủy ban nhân dân huyện chậm nhất ngày 20 tháng 11 của kỳ báo cáo để Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Tư pháp chậm nhất ngày 25 tháng 11 của kỳ báo cáo.

2. Nội dung báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 15. Trách nhiệm Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.
2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm trên địa bàn tỉnh.
3. Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.
4. Tổng hợp, xây dựng báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.
3. Thực hiện việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công; gắn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.
2. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

3. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở địa phương như sau:

a) Tham mưu xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm tại địa phương và tổ chức triển khai.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

c) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Phòng Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, đôn đốc, tự kiểm tra các công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Phối hợp với Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trên địa bàn.

3. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.